TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02-4-2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*****:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 416/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Ấp 5, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: Khu phố ĐC, phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trang Công L, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Phường I, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Tổ 6, khu phố AT, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị A *trình bày*:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị A và ông Trang Công L chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 09/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả, ông L không quan tâm chăm lo tới gia đình, vợ con, thậm chí còn đánh gây thương tích cho bà A, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà A đã nhiều lần khuyên bảo ông L nhưng ông L vẫn không thay đổi. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Bà A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông Trang Công L.

Về con chung: Bà A và ông L có 02 con chung tên Trang Thành K, sinh ngày 03/02/2016 và Trang Thành T, sinh ngày 09/4/2013. Hiện tại con chung, Trang Thành K đang sống cùng bà Ánh, con chung Trang Thành T đang sống cùng ông L. Khi ly hôn, bà A yêu cầu nuôi 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, bà A không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trang Công L đã được đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển giao tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng ông L không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo kết quả xác minh tại Công an phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương vào ngày 14/12/2017 thì ông Trang Công L có đăng ký tạm trú tại địa chỉ tổ 6, khu phố AT, phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường TH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương vào ngày 14/12/2017 thì hiện tại bà A và ông L không còn sống cùng nhà, bà A đã chuyển đi nơi khác sinh sống, về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông L, chính quyền địa phương không rõ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị A và ông Trang Công L có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 09/3/2013, là hôn nhân hợp pháp. Bà A trình bày vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

thường xuyên cãi vả, ông L không quan tâm chăm lo tới gia đình, vợ con, thậm chí còn đánh gây thương tích cho bà A, vợ chồng không còn sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Ông L không đến Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến nên yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ. Về con chung, bà A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trang Thành K, sinh ngày 03/02/2016 và Trang Thành T, sinh ngày 09/4/2013, là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con, bà A không yêu cầu nên ghi nhận sự tự nguyện của bà A. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trang Công L vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị A và ông Trang Công L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2013 ngày 09/3/2013, là hôn nhân hợp pháp. Bà A xác định sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả, ông L không quan tâm chăm lo tới gia đình, vợ con, thậm chí còn đánh gây thương tích cho bà A, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa án cho thấy ông L không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Bà A trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà A xác định hoàn toàn không còn tình cảm với ông L, bà Ánh không thể tiếp tục chung sống với ông L. Qua xác minh tại địa phương bà A và ông L không còn sống chung từ tháng 10 năm 2017. Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ chồng, nhưng quan hệ hôn nhân của bà A và ông L đã không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà A và ông L trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Điều Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà A yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Trang Thành K, sinh ngày 03/02/2016 và Trang Thành T, sinh ngày 09/4/2013. Xét thấy, con chung Trang Thành K chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện tại đang sống cùng bà A và bà A đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do vậy, bà A yêu cầu nuôi con chung Trang Thành K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đối

với con chung Trang Thành T, bà A xác định hiện tại con chung đang sống cùng ông L, ông Luận chăm sóc con chung Trang Thành T đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và hiện tại con chung đang học tại phường TH, do vậy con chung Trang Thành T cho ông Luận nuôi dưỡng là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà A về việc nuôi con chung Trang Thành T.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị A phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị A được ly hôn với ông Trang Công L.

2. Về con chung: Giao con chung Trang Thành K, sinh ngày 03/02/2016 cho bà Phạm Thị A nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Trang Thành T, sinh ngày 09/4/2013 cho ông Trang Công L nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà Phạm Thị A và ông Trang Công L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị A phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013347 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết